

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

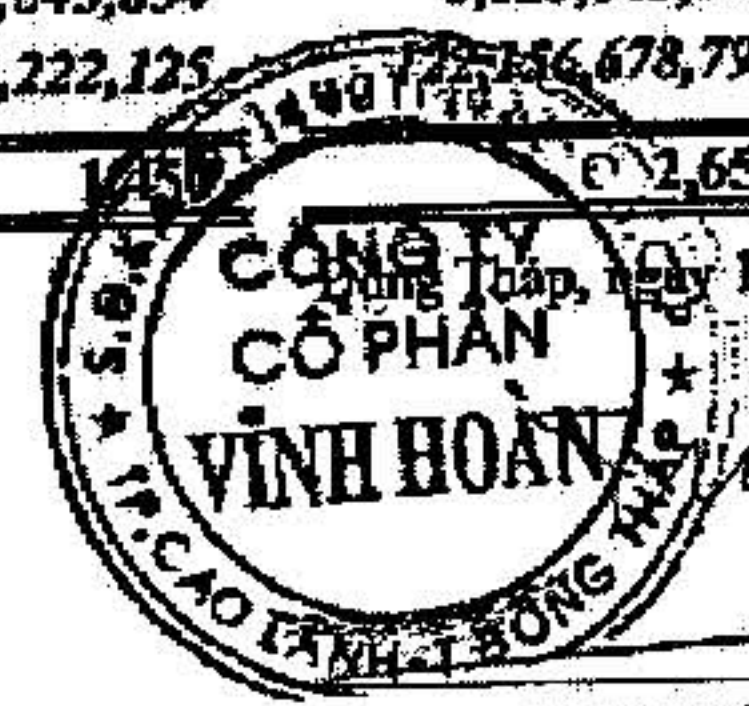
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	980,423,553,679	931,430,906,032	1,935,119,246,552	1,867,644,757,922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	556,458,303	7,734,337,202	712,555,243	7,786,594,277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	979,867,095,376	923,696,568,830	1,934,406,691,309	1,859,858,163,645
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	825,967,709,197	722,622,494,870	1,645,112,849,633	1,501,237,031,010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153,899,386,179	201,074,073,960	289,293,841,676	358,621,132,635
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,859,999,453	39,444,002,512	20,119,470,726	68,774,060,515
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,913,675,235	33,679,888,650	34,653,096,141	57,739,062,564
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,830,340,202	17,981,680,821	29,217,942,624	33,233,840,027
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	50,146,519,360	42,807,414,347	92,109,688,722	85,382,218,774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17,372,667,559	12,160,150,119	33,204,970,533	23,619,619,038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84,326,523,478	151,870,623,356	149,445,557,006	260,654,292,874
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6,136,469,205	(175,012,262)	6,518,889,912	421,698,149
12. Chi phí khác	32	VI.8	266,355,408	1,247,388,008	1,087,622,769	2,740,948,841
13. Lợi nhuận khác	40		5,870,113,797	(1,422,400,270)	5,431,267,143	(2,319,250,692)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90,196,637,275	150,448,223,086	154,876,824,149	258,335,042,182
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	14,662,233,426	24,256,259,064	24,057,287,856	42,441,771,958
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	148,535,870	(1,078,580,239)	720,491,700	(1,228,355,927)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		75,385,867,979	127,270,544,261	130,099,044,593	217,121,626,151
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8,747,645,854	5,113,865,466	14,203,743,667	12,111,986,502
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		66,638,222,125	122,156,678,795	115,895,300,926	205,009,639,649
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		2,658	2,522	4,461


 Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng


 Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc